

Số: 01 /2011/QĐ-UBND

Vũng Tàu, ngày 24 tháng 01 năm 2011

SỞ TƯ PHÁP T. BÀ RỊA - VŨNG TÀU

CÔNG VĂN BẢN

Số: 304
Ngày: 27/1/2011

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bộ tiêu chí về nông thôn mới tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28/10/2008 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ VII Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Thực hiện Quyết định 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Thực hiện Thông tư số 54/2009/TT-BNNPTNT ngày 21/8/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Thực hiện Quyết định 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 05 /TTr-SNN ngày 14/ 01 /2011 về việc đề nghị ban hành Bộ tiêu chí nông thôn mới tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu,

QUYẾT ĐỊNH;

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Bộ tiêu chí về nông thôn mới tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Bộ tiêu chí về nông thôn mới tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu là căn cứ để xây dựng Chương trình phát triển nông thôn mới trên địa bàn tỉnh; kiểm tra, đánh giá, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới và đề nghị Ban chỉ đạo nông thôn mới Trung ương công nhận huyện, tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định.

Bộ tiêu chí về nông thôn mới tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu sẽ được điều chỉnh phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh và từng thời kỳ.

Điều 2. Ban chỉ đạo nông thôn mới của tỉnh thành lập các tổ công tác thẩm định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.

Các xã căn cứ Bộ tiêu chí về nông thôn mới tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tự đánh giá, nếu đạt đủ các tiêu chí theo quy định thì báo cáo UBND huyện tổng hợp danh sách gửi UBND tỉnh trước tháng 11 hàng năm để xét duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (thay b/c);
- Website Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- TTr.TU, TTr.HĐND Tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT. UBND tỉnh;
- UBMTTQVN Tỉnh và các đoàn thể;
- Sở Tư pháp;
- Đài PTTH, Báo Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Trung tâm công báo Tỉnh;
- Lưu: VT-TH.

SZ



Trần Ngọc Thới




BỘ TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

(Ban hành kèm theo Quyết định số ... QĐ.../2011/QĐ-UBND
ngày 24 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu)

I. XÃ NÔNG THÔN MỚI

Số TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu nông thôn mới tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
I	QUY HOẠCH		Mục tiêu: đạt yêu cầu tiêu chí số 01 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.
1	Quy hoạch và thực hiện quy hoạch	1.1. Quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hoá, công nghiệp, TTCN, dịch vụ	Đạt
		1.2. Quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường; phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có trên địa bàn xã.	Đạt
II	HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI		
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ km đường trục xã, liên xã được nhựa hoá hoặc bê tông hoá đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT	100%
		2.2. Tỷ lệ km đường trục thôn, xóm được cứng hoá đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT	100%
		2.3. Tỷ lệ km đường ngõ, xóm sạch sẽ và không lầy lội vào mùa mưa	100% Cứng hoá
		2.4. Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng được cứng hoá, xe cơ giới đi lại thuận lợi	100%
3	Thuỷ lợi	3.1. Hệ thống thuỷ lợi được đầu tư theo quy hoạch đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh	Đạt
		3.2. Tỷ lệ km kênh mương do xã quản lý được kiên cố hoá	85%
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện	Đạt

		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	99%
5	Trường học	Tỷ lệ trường mầm non, nhà trẻ có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia.	100%
		Tỷ lệ trường tiểu học có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia.	100%
		Tỷ lệ trường THCS có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia.	100%
6	Cơ sở vật chất văn hoá	6.1. Trung tâm văn hoá và khu thể thao xã đạt chuẩn của Bộ VH-TT-DL	Đạt
		6.2. Tỷ lệ thôn, ấp có địa điểm sinh hoạt văn hóa, thể thao.	100%
7	Chợ nông thôn	Chợ đạt chuẩn của Bộ Xây dựng	Đạt
8	Bưu điện	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính viễn thông <i>trong xã</i>	Đạt
		8.2. Thôn, ấp có điểm cung cấp dịch vụ truy nhập internet	Đạt
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm dột nát	Không
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn Bộ Xây dựng	90%
III KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT			
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người/năm của xã so với mức thu nhập bình quân người/năm khu vực nông thôn của tỉnh.	1,5 lần
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn quốc gia.	3%
12	Cơ cấu lao động	Tỷ lệ lao động trong độ tuổi làm việc trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp.	20%
13	Hình thức tổ chức sản xuất	Có tổ hợp tác hoặc hợp tác xã hoạt động có hiệu quả	Có
IV VĂN HOÁ – XÃ HỘI – MÔI TRƯỜNG			
14	Giáo dục	14.1. Phổ cập giáo dục trung học cơ sở được căn cứ theo Quyết định số 26/2001/QĐ-BGD&ĐT ngày 05/7/2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Đạt
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (Phổ thông, bổ túc, học nghề)	90%
		14.3. Tỷ lệ lao động qua đào tạo	> 40%
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế	> = 40%
		15.2. Y tế xã đạt chuẩn quốc gia	Đạt



16	Văn hoá	Xã có từ 70 % số thôn, bản trở lên đạt tiêu chuẩn làng văn hoá theo quy định của Bộ VH-TT-DL	Đạt
17	Môi trường	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy chuẩn quốc gia	95% (50% trở lên số hộ sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn quốc gia)
		17.2. Các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường	Đạt
		17.3. Không có các hoạt động gây suy giảm môi trường	Đạt
		17.4. Nghĩa trang được xây dựng theo quy hoạch của huyện	Đạt
		17.5. Nước thải, chất thải được thu gom xử lý theo quy định	Đạt
V	HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ		
18	Hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh	18.1. Cán bộ xã đạt chuẩn	Đạt
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "Trong sạch, vững mạnh"	Đạt
		18.4. Các tổ chức đoàn thể chính trị của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến trở lên	Đạt
19	An ninh, trật tự xã hội	An ninh, trật tự xã hội được giữ vững	Đạt

II. HUYỆN NÔNG THÔN MỚI: Có 75% số xã trong huyện đạt nông thôn mới.

III. TỈNH NÔNG THÔN MỚI: Có 80% số huyện trong tỉnh đạt nông thôn mới.



Handwritten text in the top left section, possibly a header or title, including the words "Date" and "Page".

Main body of handwritten text, appearing to be a list or a series of entries, with some lines starting with "No." and "Name".

A table with multiple rows and columns, containing handwritten entries. The columns are not clearly defined but appear to have headers.

A horizontal line of text or a header section located below the main body of text.

Additional handwritten text or a signature block located below the horizontal line.

A large section of handwritten text at the bottom of the page, possibly a detailed list or a concluding paragraph.